

Số: **40** / 2010/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **24** tháng **8** năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế về quản lý vật liệu nổ công nghiệp
trên địa bàn thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Bộ Công Thương về việc Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2068/TTr-SCT ngày 30 tháng 6 năm 2010 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 931/STP-VBPQ ngày 21 tháng 6 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 202/2006/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Công Thương, Lao động - Thương binh & Xã hội, Tài nguyên & Môi trường, Bộ Tư lệnh Thủ đô, Công an thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND các Quận, huyện, thị xã, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- TT TU, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH TP;
- Cục KTVB Bộ TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, PVP, các phòng CV, TT Công báo;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Huy Trường

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2010

QUY CHẾ

Quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2010/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc sử dụng, bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp (sau đây viết tắt là VLNCN), trách nhiệm bảo đảm an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; quyền và nghĩa vụ của tổ chức tham gia hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và cơ chế phối hợp trong thực hiện chức năng quản lý nhà nước của các cơ quan có liên quan đối với hoạt động vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Những nội dung khác có liên quan đến quản lý VLNCN không được quy định trong Quy chế này thì áp dụng quy định của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp.

Quy chế này không áp dụng đối với các hoạt động vật liệu nổ công nghiệp phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng và trong các trường hợp khẩn cấp theo quy định pháp luật.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

Ngoài những nguyên tắc quản lý hoạt động VLNCN nói chung đã được quy định trong nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ, hoạt động VLNCN trên địa bàn Thành phố còn được quản lý theo các nguyên tắc cơ bản dưới đây:

1) Đảm bảo tính thống nhất, tập trung, không hình thức, chông chéo, bỏ sót nhiệm vụ làm ảnh hưởng đến hiệu quả công tác quản lý hoạt động VLNCN.

2) Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật; bảo đảm an toàn tuyệt đối trong mọi trường hợp; phát huy hiệu quả của hoạt động VLNCN vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng phát triển và bảo vệ Thủ đô.

3) Đảm bảo sự phối hợp đồng bộ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

của từng ngành, từng cấp; đề cao trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

Điều 3. Các hành vi bị cấm trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

Các hành vi sau đây bị nghiêm cấm (theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về Vật liệu nổ công nghiệp):

1. Nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ.

2. Lưu thông, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không an toàn và không thuộc Danh mục vật liệu nổ công nghiệp Việt Nam được phép sử dụng do cơ quan có thẩm quyền quy định.

3. Chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn, thế chấp, biếu tặng, cất giấu hoặc sở hữu trái phép vật liệu nổ công nghiệp.

4. Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để săn bắt, khai thác trái phép động, thực vật, xâm hại sức khỏe con người, hủy hoại môi trường sinh thái, gây nguy hại đến an ninh, an toàn, trật tự xã hội.

5. Sử dụng người chưa đủ tuổi thành niên, người không có chứng nhận nhân thân hợp lệ, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người mất năng lực hành vi dân sự, người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc người bị kết án nhưng chưa được xóa án tích, người bị kết án phạt tù nhưng được hưởng án treo, chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cấm đi khỏi nơi trú; đối tượng đang được tạm đình chỉ chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh... tham gia các hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để cản trở bất hợp pháp, gây phiền hà, sách nhiễu đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân hoặc bao che hành vi vi phạm pháp luật về vật liệu nổ công nghiệp.

7. Không cung cấp hoặc cung cấp thông tin sai lệch về vật liệu nổ công nghiệp. Không báo cáo kịp thời, che giấu hoặc làm sai lệch thông tin báo cáo về mất cắp, thất thoát, tai nạn, sự cố vật liệu nổ công nghiệp.

8. Những hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hệ thống tổ chức quản lý kỹ thuật an toàn, công tác đảm bảo an ninh, trật tự và phòng chống cháy, nổ trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

1. Tổ chức hoạt động VLNCN phải thiết lập hệ thống tổ chức quản lý kỹ thuật an toàn do lãnh đạo tổ chức trực tiếp điều hành, chỉ đạo và phân công người đủ trình độ, kinh nghiệm chịu trách nhiệm thực hiện công tác kỹ thuật an toàn tại mỗi bộ phận, vị trí có nguy cơ cao về sự cố, tai nạn, cháy nổ.

2. Trước khi tiến hành sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tổ chức hoạt động VLNCN phải có phương án bảo vệ an ninh, trật tự; các phương án, biện pháp phòng cháy chữa cháy cho cơ sở sản xuất, hệ thống kho tàng, nơi bốc dỡ, phương tiện vận

chuyên vật liệu nổ công nghiệp đang hoạt động. Các kho chứa vật liệu nổ công nghiệp phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố khẩn cấp, định kỳ tổ chức diễn tập theo quy định.

3. Tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, công tác AT-VSLĐ-PCCN, phòng ngừa ứng phó sự cố khẩn cấp trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận theo quy định hiện hành.

Điều 5. Hồ sơ, tài liệu hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

Tổ chức tham gia hoạt động VLNCN trên địa bàn Thành phố phải bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ đối với từng loại vật liệu nổ công nghiệp sản xuất, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, vận chuyển, bảo quản, tồn kho, tiêu hủy trong thời hạn theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 39/2009/NĐ-CP là 10(mười) năm, kể từ ngày thực hiện sản xuất, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu, sử dụng, vận chuyển, bảo quản, tồn kho, tiêu hủy.

Điều 6. Công tác báo cáo trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

Tổ chức tham gia hoạt động VLNCN trên địa bàn Thành phố có trách nhiệm báo cáo trong các trường hợp sau đây:

1) Báo cáo cơ quan Công an nơi tiến hành hoạt động VLNCN khi xảy ra xâm nhập trái phép khu vực chứa vật liệu nổ công nghiệp hoặc xảy ra tình trạng mất cắp, thất thoát không rõ lý do ngay sau khi phát hiện;

2) Trong vòng 24 giờ, báo cáo về việc dừng, kết thúc hoạt động vật liệu nổ công nghiệp hoặc các tai nạn, sự cố xảy ra trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp và chậm nhất là 48 giờ sau đó, những nội dung trên phải được chi tiết hóa bằng văn bản báo cáo Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có hoạt động VLNCN.

3) Tổ chức hoạt động vật liệu nổ công nghiệp có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản tình hình hoạt động vật liệu nổ công nghiệp cho Công an Thành phố trước ngày 25 hàng tháng; báo cáo Sở Công Thương trước ngày 25 tháng 6 đối với báo cáo sáu tháng và trước ngày 25 tháng 12 đối với báo cáo năm về số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp bảo quản, vận chuyển, sử dụng và các vấn đề có liên quan.

Chương II KINH DOANH, BẢO QUẢN VÀ VẬN CHUYỂN VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Điều 7. Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp

Ngoài điều kiện, quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 19, 20 Nghị định

số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ và Điều 4, 5 Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ Công Thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp, tổ chức kinh doanh VLNCN trên địa bàn Thành phố còn phải:

1. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất - kỹ thuật; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; điều kiện sức khoẻ; điều kiện bảo vệ môi trường; phòng chống cháy nổ và điều kiện an toàn theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp của cơ quan có thẩm quyền cấp để có kế hoạch cung cấp đảm bảo về số lượng, ổn định về chủng loại và chất lượng VLNCN.

4. Không được từ chối việc mua lại vật liệu nổ công nghiệp dư thừa của các tổ chức đã mua vật liệu nổ công nghiệp của đơn vị mình mà không có lý do chính đáng.

5. Không được bán các chủng loại vật liệu nổ công nghiệp trái với danh mục VLNCN Việt Nam quy định.

Điều 8. Bảo quản vật liệu nổ công nghiệp

Ngoài những quy định về bảo quản VLNCN tại Điều 23 Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ, tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn Thành phố còn phải:

1. Đảm bảo an toàn, chống mất cắp, giữ gìn chất lượng VLNCN.

Cấm bảo quản vật liệu nổ công nghiệp không có bao bì hoặc trong bao bì bị hỏng. Cấm dùng các chất có phản ứng sinh nhiệt với nước, không khí để chống ẩm cho vật liệu nổ công nghiệp.

2. Gian để chứa vật liệu nổ công nghiệp phải có tường và trần làm bằng vật liệu chống cháy, không được bố trí các gian có người làm việc thường xuyên tiếp giáp (trên, dưới và hai bên) với gian có chứa vật liệu nổ công nghiệp. Cửa kho có chứa vật liệu nổ công nghiệp phải có khả năng chống cháy với giới hạn chịu lửa ít nhất là 45 phút.

3. Việc thống kê, xuất, nhập vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện theo đúng qui định tại Phụ lục E, QCVN 02:2008/BCT (tên viết tắt của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số 02:2008/BCT về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp).

4. Việc bảo quản vật liệu nổ công nghiệp trong cùng một kho chứa phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Trong một nhà kho hoặc trong một buồng chứa, được phép bảo quản chung các nhóm vật liệu nổ công nghiệp tương thích. Bảng các nhóm vật liệu nổ công nghiệp tương thích quy định tại Phụ lục A, QCVN 02 : 2008/BCT;

b) Cấm bảo quản chung kíp và thuốc nổ trong một buồng hoặc hòm, thùng chứa. Vật liệu nổ công nghiệp thuộc các nhóm không tương thích phải bảo quản trong các phòng khác nhau của nhà kho được ngăn cách bằng bức tường dày không nhỏ hơn 25 cm và có giới hạn chịu lửa ít nhất là 60 phút hoặc ngăn cách bằng vách có vật liệu tương đương;

c) Nếu bảo quản vật liệu nổ công nghiệp không tương thích trong các buồng, phòng sát nhau của một nhà kho, khối lượng vật liệu nổ công nghiệp trong mỗi buồng hoặc phòng chứa không lớn hơn giới hạn sau:

c1. Không được nhiều hơn 10.000 chiếc kíp nổ hoặc 1.000 viên đạn khoan;

c2. Các hòm kíp, đạn khoan phải đặt trên giá và đặt gần tường phía ngoài (tường đối diện với tường ngăn cách buồng chứa thuốc nổ);

c3. Khối lượng chung của tất cả các loại thuốc nổ không được quá công suất thiết kế kho chứa vật liệu nổ công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Khi tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không còn nhu cầu sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì số vật liệu nổ công nghiệp còn lại ở kho phải chuyển trả lại cho tổ chức được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp. Việc chuyển trả lại này phải làm đúng các thủ tục hiện hành và thông báo bằng văn bản đến Sở Công Thương và Công an Thành phố được biết.

Trường hợp không chuyển trả lại được do vật liệu nổ công nghiệp quá hạn hoặc việc chuyển trả lại không đảm bảo các điều kiện an toàn, tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp được phép tiêu hủy theo quy định tại Điều 16, QCVN 02 : 2008/BCT.

Điều 9. Kho chứa vật liệu nổ công nghiệp

1. Kho chứa vật liệu nổ công nghiệp là nơi bảo quản vật liệu nổ công nghiệp phải được bảo đảm an toàn tuyệt đối. Kho vật liệu nổ công nghiệp có thể gồm một hoặc nhiều nhà kho chứa, một số công trình phụ trợ bố trí xung quanh ranh giới kho. Kho hoặc phương tiện chứa vật liệu nổ công nghiệp chỉ được sử dụng sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Kho vật liệu nổ công nghiệp phải được thiết kế, thi công, nghiệm thu, bàn giao theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.

3. Cụm kho vật liệu nổ công nghiệp phải được trang bị điện thoại giữa các trạm gác. Hệ thống điện thoại này được nối với tổng đài gần nhất để đảm bảo liên lạc với lãnh đạo đơn vị có kho, cơ quan Công an Thành phố và địa phương.

4. Các kho bảo quản vật liệu nổ công nghiệp phải có cửa kín và luôn được được khoá chắc chắn trừ khi cấp phát. Sau giờ cấp phát hàng ngày, cửa phải được cấp chì hoặc niêm phong. Các kim cặp chì, dấu niêm phong do người thủ kho giữ và phải có mẫu lưu tại trụ sở chính của tổ chức sở hữu kho. Việc niêm phong, kẹp chì

không áp dụng với các hộp đựng phụ kiện nổ.

5. Hoạt động thanh tra, kiểm tra kho vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Việc chụp ảnh, khảo sát hoặc đo đạc địa hình khu vực kho vật liệu nổ công nghiệp phải được cơ quan Công an cấp Thành phố cho phép. Ảnh và tài liệu thu thập phải được quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.

6. Kho vật liệu nổ công nghiệp do lực lượng bảo vệ chuyên nghiệp có vũ trang, bảo vệ 24/24 giờ.

Điều 10. Bảo quản vật liệu nổ công nghiệp tại nơi nổ mìn khi chưa tiến hành nổ mìn

1. Từ khi đưa vật liệu nổ công nghiệp đến nơi sẽ tiến hành nổ, vật liệu nổ công nghiệp phải được bảo quản, canh gác, bảo vệ cho đến lúc nạp mìn xong. Người bảo vệ phải là thợ mìn hoặc công nhân đã được cấp giấy chứng nhận qua lớp huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

2. Cho phép để vật liệu nổ công nghiệp với khối lượng dùng cho một ca làm việc ở trong giới hạn của vùng nguy hiểm, nhưng phải ở nơi khô ráo, canh gác bảo vệ trong suốt ca làm việc và không được để cùng kíp nổ hoặc bao mìn mồi.

3. Khi nạp mìn xong mà chưa đến thời gian được phép tiến hành nổ mìn trong ngày, không được phép đấu nối dây dẫn khởi nổ với bãi mìn; dây đấu mạng phải được quấn cách điện đối với phương pháp nổ mìn điện và phải bố trí người canh gác bãi mìn.

Điều 11. Vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp

Ngoài những quy định về điều kiện, quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 24 Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ, tổ chức tham gia vận chuyển VLNCN trên địa bàn Thành phố còn phải:

1. Có giấy phép lưu hành của cơ quan có thẩm quyền đối với phương tiện vận tải và được cơ quan cảnh sát phòng cháy chữa cháy - Công an Thành phố cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

2. Có đầy đủ hồ sơ pháp lý liên quan và lý lịch lô hàng khi vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; phương tiện vận chuyển phải tuân thủ lộ trình ghi trong giấy phép vận chuyển.

3. Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về kỹ thuật an toàn và những quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Chương III

SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Điều 12. Quản lý sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

Ngoài những quy định về điều kiện, quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 21, 22 Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ và Điều 9 Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ Công Thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp, tổ chức sử dụng VLNCN vào mục đích sản xuất, dịch vụ nổ mìn, đào tạo, huấn luyện, nghiên cứu khoa học và thử nghiệm trên địa bàn Thành phố còn phải:

1. Có giấy phép sử dụng VLNCN do cơ quan có thẩm quyền cấp(Hồ sơ xin cấp giấy phép thực hiện theo quy định tại Điều 9, Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11/8/2009 của Bộ Công Thương).
2. Có trách nhiệm đăng ký giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp chậm nhất 03 ngày trước khi bắt đầu thực hiện hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp với Sở Công Thương(Thủ tục đăng ký giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 39, Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ).
3. Phải có kho chứa, công nghệ, thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ công tác sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và các quy định tại Mục 6, Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ; trường hợp không có kho, không có phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với các tổ chức được phép bảo quản, vận chuyển VLNCN.
4. Mua VLNCN từ các tổ chức kinh doanh VLNCN hợp pháp. Trường hợp tổ chức không sử dụng hết khối lượng VLNCN đã mua, phải bán lại cho tổ chức kinh doanh VLNCN hợp pháp.
5. Phải bổ nhiệm chỉ huy nổ mìn theo quy định hiện hành. Người được bổ nhiệm chỉ huy nổ mìn trong hoạt động khai thác khoáng sản, ngoài am hiểu về kỹ thuật sử dụng VLNCN còn phải đảm bảo chuyên môn về kỹ thuật khai thác mỏ.
6. Phải sử dụng công nhân nổ mìn hoặc người lao động làm công việc có liên quan trực tiếp đến vật liệu nổ công nghiệp có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí, chức trách đảm nhiệm theo đúng các yêu cầu quy định tại Phụ lục C, QCVN 02 : 2008/BCT.
7. Việc mua vật liệu nổ công nghiệp phải ký kết và thanh lý hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
8. Phải lập thiết kế, phương án nổ mìn phù hợp với quy mô sản xuất, điều kiện tự nhiên, điều kiện xã hội nơi nổ mìn; quy định cụ thể trong thiết kế, phương án nổ mìn các biện pháp an toàn, bảo vệ canh gác chống xâm nhập trái phép khu vực nổ

mìn; thủ tục cảnh báo khởi nổ; thủ tục bảo quản và thủ tục giám sát việc tiêu thụ, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp tại nơi nổ mìn và các nội dung khác theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Thiết kế hoặc phương án nổ mìn phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận theo quy định tại khoản 4, Điều 22, Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ.

9. Phải sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo đúng số lượng và thời hạn ghi trong giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp vượt quá số lượng ghi trong giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp sẽ bị xử lý tạm đình chỉ hoạt động nổ mìn, thời gian tạm đình chỉ được tính toán trên cơ sở số lượng vật liệu nổ công nghiệp tổ chức sử dụng vượt giấy phép và số lượng vật liệu nổ công nghiệp được phép sử dụng theo công suất khai thác khoáng sản hàng năm.

Điều 13. Trong thi công khoan nổ mìn

Tổ chức sử dụng VLNCN trong thi công khoan, nổ mìn phải:

1. Tuân thủ các thông số kỹ thuật của phương án nổ mìn hoặc thiết kế nổ mìn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận trong quá trình thi công khoan nổ mìn.

2. Trong quá trình thi công khoan nổ mìn muốn điều chỉnh các thông số kỹ thuật của phương án nổ mìn hoặc thiết kế nổ mìn phải có văn bản đề nghị và được Sở Công Thương chấp thuận đối với các phương án nổ mìn đã được cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt.

3. Trong quá trình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp như: nạp thuốc, đấu nối hệ thống, canh gác, khởi nổ, xử lý các sự cố khác phải tuân thủ các yêu cầu an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ.

4. Trong quá trình nạp mìn nếu không sử dụng hết VLNCN, phải chủ động chuyển số VLNCN còn dư thừa về kho để bảo quản, cất giữ; thủ tục vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp về kho do Phòng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy – Công an Thành phố hướng dẫn.

5. Không được lưu giữ vật liệu nổ công nghiệp dư thừa tại công trường qua đêm sau khi đã kết thúc nổ mìn.

6. Trường hợp sau khi khởi nổ nhưng bãi mìn không nổ hoặc nổ không hoàn toàn, phải lập biên bản trong đó ghi rõ nguyên nhân, có chữ ký của giám đốc điều hành mỏ, chỉ huy nổ mìn và thực hiện đầy đủ các yêu cầu an toàn như quy định về xử lý mìn câm. Trường hợp xác định có thể sử dụng thêm phương tiện nổ để tiếp tục khởi nổ bãi mìn, phải liên hệ với đơn vị kinh doanh cung ứng và Phòng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy-Công an Thành phố để phối hợp xử lý.

7. Trường hợp muốn chuyển đổi phương pháp nổ mìn hoặc chuyển đổi chủng loại VLNCN đang sử dụng bằng phương pháp nổ mìn khác hoặc chủng loại VLNCN khác, phải tiến hành tổ chức huấn luyện kiến thức bổ sung, kiểm tra sát hạch đối với thợ nổ mìn và những người lao động làm công việc có liên quan trực tiếp đến VLNCN; trước khi áp dụng phải thông báo bằng văn bản đến Sở Công thương.

8. Khuyến khích sử dụng những phương pháp nổ mìn mới, những chủng loại vật liệu nổ công nghiệp mới thân thiện với môi trường. Việc tiến hành chuyển đổi sang phương pháp nổ mìn mới hoặc chuyển đổi sử dụng những chủng loại vật liệu nổ công nghiệp mới phải được nhà sản xuất hoặc đơn vị kinh doanh cung ứng thực hiện bàn giao công nghệ và thực hiện tiến hành chuyển đổi theo quy định tại khoản 7, điều này.

9. Không được tiến hành khởi nổ cùng một lúc hai hoặc nhiều bãi mìn cạnh nhau, mỗi lần khởi nổ bãi mìn cách nhau ít nhất 10 phút để bãi nổ trước ổn định về địa chất, kiểm tra không có mìn câm. Đối với khu vực có nhiều mỏ cùng hoạt động nổ mìn các đơn vị phải có biên bản thỏa thuận, thống nhất trong tiến hành khởi nổ và cảnh giới.

10. Phải trang bị phương tiện đảm bảo thông tin liên lạc được thông suốt trong quá trình thi công nổ mìn; trường hợp khu vực nổ mìn có nhiều mỏ cùng hoạt động nổ mìn nên trang bị hệ thống máy bộ đàm có cùng tần số.

Điều 14. Hiệu lệnh nổ mìn

Trước khi tiến hành nổ mìn, tổ chức sử dụng VLNCN phải:

1. Liên hệ và thỏa thuận với Ủy ban nhân dân xã nơi tiến hành nổ mìn về các quy định biển cảnh báo nổ mìn, hiệu lệnh và thời gian tiến hành nổ mìn trong ngày, trong tuần của đơn vị. Trong một khu vực có nhiều mỏ cùng hoạt động nổ mìn thì các quy định, hiệu lệnh phải được quy ước giống nhau.

2. Thông báo rộng rãi cho toàn thể cán bộ nhân viên trong mỏ, các đơn vị lân cận và dân cư sống xung quanh mỏ được biết về biển cảnh báo nổ mìn, hiệu lệnh nổ mìn và thời gian nổ mìn.

3. Tín hiệu báo hiệu nổ mìn được thực hiện bằng còi hoặc bằng phát mìn tín hiệu; âm thanh của còi báo hiệu hoặc phát mìn tín hiệu phải đảm bảo mọi người trong khu vực có bán kính nguy hiểm nghe rõ.

4. Không được tự ý thay đổi quy định, quy ước về hiệu lệnh nổ mìn.

Điều 15. Thời gian nổ mìn

1. Trường hợp các tổ chức sử dụng VLNCN để khai thác đá thì thời gian được phép tiến hành khởi nổ 11 giờ 00 phút đến 13 giờ 00 phút và từ 17 giờ 00 phút đến 18 giờ 00 phút hàng ngày.

2. Trường hợp các tổ chức sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để thi công công trình thì được tiến hành khởi nổ từ 16 giờ 30 đến 17 giờ 30 cùng ngày; việc khởi nổ vào thời điểm này chỉ được thực hiện khi đơn vị đã báo cáo cho Sở Công thương và Ủy ban nhân dân xã, phường nơi tiến hành nổ mìn biết, đồng thời lập biên bản trong đó ghi rõ hiện trạng khu vực công trình, có chữ ký của chỉ huy nổ mìn và thực hiện đầy đủ các yêu cầu an toàn trong quá trình tiến hành khởi nổ.

3. Thời gian không được tiến hành nổ mìn:

a. Tết âm lịch: Không được tiến hành nổ mìn vào những ngày tết và 02 ngày trước tết, 03 ngày sau tết.

b. Tết dương lịch: Không được tiến hành nổ mìn vào ngày tết và 01 ngày trước tết, 01 ngày sau tết.

c. Những ngày nghỉ lễ theo quy định tại Luật Lao động và quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan: Không được tiến hành nổ mìn vào những ngày lễ và 01 ngày trước ngày lễ, 01 ngày sau ngày lễ.

4. Những trường hợp khác theo thông báo của Sở Công Thương hoặc Công an Thành phố bằng văn bản.

Điều 16. Sử dụng thuốc nổ và phụ kiện

1. Thuốc nổ được sử dụng là những loại nằm trong danh mục được Bộ Công Thương ban hành hàng năm.

2. Phụ kiện nổ được phép sử dụng những chủng loại sau:

a) Kíp nổ vi sai phi điện để nổ mìn phá đá nguyên khối;

b) Kíp nổ vi sai điện nhiều số để phá đá quá cỡ hoặc dùng để khởi nổ bãi mìn dùng kíp vi sai phi điện;

c) Sử dụng các chủng loại mìn nổ sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu.

3. Công tác phá đá quá cỡ nếu không tiến hành bằng máy đập mà phải sử dụng phương pháp nổ mìn, phải sử dụng kíp điện vi sai nhiều số, lượng thuốc nổ tối đa cho một lỗ khoan không quá 0,2 kg, khối lượng thuốc nổ tối đa cho một bãi mìn không quá 5 kg.

Chương IV

KIỂM TRA, THỬ, HỦY

VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP VÀ GIÁM SÁT CÁC ẢNH HƯỞNG NỔ MÌN

Điều 17. Kiểm tra và thử vật liệu nổ công nghiệp

Tổ chức tham gia hoạt động VLNCN có trách nhiệm:

1. Khi nhập VLNCN vào kho dự trữ bảo quản, phải định kỳ tiến hành kiểm tra và thử nổ nhằm xác định chất lượng của vật liệu nổ công nghiệp. Ở các kho tiêu

thụ chỉ cần định kỳ xem xét bên ngoài và kiểm tra điện trở của kíp điện.

VLNCN nhập trực tiếp từ nhà máy sản xuất mà có đủ chứng chỉ chất lượng, bao bì còn nguyên và đang trong thời hạn bảo hành thì không cần phải thử.

Việc thử VLNCN phải do thợ mìn, nhân viên thí nghiệm thực hiện dưới sự chỉ huy của trưởng kho. Việc kiểm tra và thử phải theo đúng qui định ở Phụ lục L, QCVN 02 : 2008/BCT.

2. VLNCN đã quá thời hạn bảo hành mà chưa được kiểm tra, thử nổ đánh giá lại chất lượng thì không được đưa vào sử dụng. VLNCN nhập về kho tiêu thụ trong tình trạng bao bì không tốt thì phải xem xét bên ngoài và thử sự truyền nổ của chất nổ.

3. Việc thử định kỳ VLNCN tiến hành theo thời hạn sau:

a) Thuốc nổ có chứa nitro este lỏng và chất nổ an toàn: vào cuối thời hạn bảo hành và 3 tháng 1 lần sau thời gian bảo hành;

b) Các loại thuốc nổ khác: vào cuối thời hạn bảo hành và 6 tháng một lần sau thời hạn bảo hành;

c) Các phương tiện nổ: vào cuối thời hạn bảo hành;

d) Tất cả các loại VLNCN không phụ thuộc vào thời hạn bảo hành, nếu khi xem xét bên ngoài thấy có nghi ngờ về chất lượng (khô cứng, chảy nước, rách bao gói) hoặc khi nổ mìn cho kết quả không đạt yêu cầu (mìn câm, nổ không hoàn toàn) thì phải thử.

Điều 18. Hủy vật liệu nổ công nghiệp

1. VLNCN phải tiến hành hủy sau khi kiểm tra và thử nếu xác định đã mất phẩm chất mà không có khả năng hoặc không có điều kiện tái chế. Đơn vị tổ chức hủy phải có giấy phép sản xuất, sử dụng phải tiến hành hủy VLNCN theo quy định.

Người chỉ đạo và người tham gia trực tiếp việc hủy VLNCN phải được huấn luyện về phương pháp hủy và biện pháp an toàn, bảo vệ môi trường khi hủy. Việc hủy VLNCN phải theo hướng dẫn của nhà sản xuất (nếu có). Trường hợp không rõ về loại VLNCN cần hủy hoặc không nắm được phương pháp hủy, đơn vị tổ chức hủy VLNCN phải liên hệ với nhà cung ứng để được hướng dẫn hoặc hỗ trợ dịch vụ hủy.

2. Trình tự thủ tục và các bước tiến hành hủy VLNCN thực hiện theo quy định tại Điều 16, QCVN 02 : 2008/BCT.

Điều 19. Giám sát các ảnh hưởng nổ mìn

1. Tổ chức sử dụng VLNCN phải lập phương án giám sát các ảnh hưởng nổ mìn; 15 ngày trước ngày tiến hành nổ mìn tổ chức sử dụng VLNCN phải gửi

phương án giám sát các ảnh hưởng nổ mìn về Sở Công Thương để theo dõi, kiểm tra.

2. Khi nổ mìn ở những địa điểm gần khu dân cư, công trình văn hoá lịch sử, công trình quan trọng quốc gia và các công trình khác không thuộc quyền sở hữu, tổ chức sử dụng VLNCN phải thực hiện việc giám sát các ảnh hưởng của chấn động và sóng không khí đối với con người, công trình trong các trường hợp sau:

a) Có khiếu nại của chủ công trình về các ảnh hưởng của chấn động và sóng không khí;

b) Hệ số tỷ lệ khoảng cách D_s không đạt yêu cầu quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 24, QCVN 02 : 2008/BCT;

c) Nổ thí nghiệm để lập hoặc hiệu chỉnh hộ chiếu, thiết kế nổ mìn theo yêu cầu của Sở Công thương.

3. Phương pháp đo, đánh giá kết quả trong hoạt động giám sát thực hiện theo TCVN 7197:2002 Rung động và chấn động cơ học - Rung động đối với các công trình xây dựng - Hướng dẫn đo rung động và đánh giá ảnh hưởng của chúng đến các công trình xây dựng, TCVN 5964 :1995 Âm học - Mô tả và đo tiếng ồn môi trường - Các đại lượng và phương pháp đo chính và những quy định tại Điều 25, QCVN 02 : 2008/BCT.

4. Việc giám sát có thể thực hiện gián đoạn theo từng vụ nổ mìn hoặc liên tục trong một thời hạn theo yêu cầu giám sát.

5. Địa điểm, phương pháp đo, tính toán đánh giá mức độ ảnh hưởng phải thể hiện trong hộ chiếu hoặc thiết kế nổ mìn.

6. Giám sát ảnh hưởng của tác động sóng không khí thực hiện theo quy định tại Điều 26, QCVN 02 : 2008/BCT.

7. Hoạt động giám sát các ảnh hưởng do nổ mìn phải được thực hiện bởi các tổ chức có chức năng và đủ năng lực thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương V

TRÁCH NHIỆM VÀ CƠ CHẾ PHỐI HỢP TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Công Thương

Sở Công thương là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý về VLNCN trên địa bàn Thành phố có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng có liên quan:

a) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các quy định về

hoạt động sử dụng VLNCN tại các khu vực, cụm xây dựng, khai thác tùy theo điều kiện đặc thù cụ thể của từng khu, cụm; định mức kinh tế kỹ thuật trong sử dụng VLNCN; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện thanh, kiểm tra định kỳ và đột xuất các tổ chức tham gia hoạt động VLNCN;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu, duy trì mối liên hệ với các cơ quan phối hợp về việc thực hiện nhiệm vụ công tác quản lý VLNCN trên địa bàn.

c) Tổ chức thanh, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất hoạt động của các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn Thành phố; Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phương án giám sát ảnh hưởng chấn động do nổ mìn của tổ chức sử dụng VLNCN trên địa bàn Thành phố.

2. Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và thực hiện việc cấp mới, cấp lại, điều chỉnh hoặc thu hồi giấy phép sử dụng VLNCN đối với các tổ chức tham gia hoạt động VLNCN trên địa bàn Thành phố.

3. Thực hiện việc đăng ký sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với các tổ chức có giấy phép sử dụng VLNCN do cơ quan có thẩm quyền cấp.

4. Tham gia đóng góp ý kiến thẩm định về hồ sơ thiết kế cơ sở công trình kho chứa VLNCN của các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn Thành phố.

5. Phối hợp với các cơ quan có liên quan, tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong hoạt động VLNCN cho Giám đốc điều hành mỏ, Chỉ huy nổ mìn, thợ khoan nổ mìn và người trực tiếp sử dụng VLNCN tại các tổ chức sử dụng VLNCN; tiến hành kiểm tra sát hạch và cấp giấy chứng nhận theo hướng dẫn tại Phụ lục C, QCVN 02:2008/BCT.

6. Xử lý vi phạm về quản lý, hoạt động VLNCN theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

7. Lập báo cáo định kỳ 06 tháng, hàng năm về tình hình quản lý kinh doanh và sử dụng VLNCN trên địa bàn Thành phố cho Bộ Công thương và Ủy ban nhân dân Thành phố, trước ngày 30 tháng 6 đối với báo cáo sáu tháng và trước ngày 31 tháng 12 đối với báo cáo năm.

Điều 21. Trách nhiệm của Công an Thành phố

1. Trong lĩnh vực quản lý hành chính về trật tự xã hội:

a) Tiếp nhận hồ sơ và xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự cho các tổ chức tham gia sử dụng VLNCN trên địa bàn Thành phố trước khi cấp có thẩm quyền cấp phép;

b) Hướng dẫn thực hiện các quy định về an ninh trật tự, nghiệp vụ bảo vệ cho lực lượng bảo vệ đối với các tổ chức có tham gia hoạt động VLNCN trên địa bàn Thành phố;

c) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về an ninh trật tự đối với các tổ chức có hoạt động VLNCN trên địa bàn Thành phố, xử lý các vi phạm theo quy định của Chính phủ và Bộ Công an;

2. Trong lĩnh vực quản lý phòng cháy và chữa cháy:

a) Tiếp nhận hồ sơ và xem xét cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về phòng cháy, chữa cháy cho các tổ chức sử dụng VLNCN trên địa bàn Thành phố trước khi cấp có thẩm quyền cấp phép;

b) Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác phòng cháy, chữa cháy đối với các tổ chức tham gia hoạt động VLNCN trên địa bàn Thành phố;

c) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về công tác phòng cháy và chữa cháy của các tổ chức tham gia hoạt động VLNCN trên địa bàn Thành phố và xử lý vi phạm về quản lý, hoạt động VLNCN theo quy định của Chính phủ và Bộ Công an;

d) Tiếp nhận hồ sơ, xem xét cấp giấy phép vận chuyển VLNCN cho các tổ chức được cấp giấy phép sử dụng VLNCN trên địa bàn Thành phố;

e) Tham gia và có ý kiến thẩm định về lĩnh vực an toàn phòng chống cháy nổ cho hồ sơ thiết kế cơ sở công trình kho chứa VLNCN của các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn Thành phố.

3. Tham gia Đoàn thanh, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các hoạt động của các tổ chức tham gia hoạt động VLNCN trên địa bàn Thành phố khi được yêu cầu.

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Tư lệnh Thủ đô

1. Chủ trì công tác quản lý, tiêu hủy VLNCN trái phép thu hồi trên địa bàn theo đề nghị của Sở Công Thương và của Công an Thành phố.

2. Phối hợp với Sở Công thương kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật trong hoạt động VLNCN của các doanh nghiệp quốc phòng, đơn vị quân đội làm kinh tế trên địa bàn Thành phố.

3. Phối hợp với Sở Công thương, Công an Thành phố trong việc ban hành hướng dẫn về vận chuyển VLNCN, đảm bảo an ninh, an toàn phòng cháy, chữa cháy.

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành việc thực hiện phương án giám sát ảnh hưởng chấn động nổ mìn của các tổ chức sử dụng VLNCN trên địa bàn Thành phố khi được yêu cầu.

2. Thực hiện kiểm tra, giám sát việc bảo vệ môi trường, việc hoàn trả mặt bằng của các tổ chức sử dụng VLNCN trên địa bàn Thành phố.

Điều 24. Trách nhiệm của Sở Lao động Thương binh và Xã hội

1. Kiểm tra và hướng dẫn thực hiện công tác An toàn- Vệ sinh lao động theo quy định tại Thông tư số 37/2005/LĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2005 và Thông tư liên tịch số 14/1998/TTLT / BLĐTBXH- BYT- TLĐLĐVN ngày 31 tháng 10 năm 1998 của liên Bộ đối với các tổ chức tham gia hoạt động VLNCN trên địa bàn Thành phố.

2. Tham gia và có ý kiến thẩm định về lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động cho hồ sơ thiết kế cơ sở công trình kho chứa VLNCN của các tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn Thành phố.

3. Tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành việc thanh, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các hoạt động của tổ chức tham gia hoạt động VLNCN trên địa bàn Thành phố do Sở Công Thương chủ trì.

Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã

Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo các ngành chức năng liên quan ở địa phương và Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, giám sát, giải quyết khiếu nại tố cáo trong hoạt động VLNCN trên địa bàn.

2. Tổ chức triển khai tại địa phương việc ứng phó sự cố vật liệu nổ công nghiệp trên đường vận chuyển và tại khu vực bảo quản, bốc dỡ VLNCN.

3. Xử lý vi phạm về hoạt động VLNCN theo thẩm quyền được phân cấp hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Điều 26. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm:

1. Tổ chức tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý VLNCN cho các tổ chức có hoạt động VLNCN trên địa bàn, giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động VLNCN theo thẩm quyền.

2. Tham gia thanh, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các hoạt động của tổ chức hoạt động VLNCN trên địa bàn do Sở Công thương hoặc Công an Thành phố chủ trì khi có yêu cầu.

3. Tham gia xử lý sự cố và các vấn đề khác xảy ra có liên quan đến hoạt động VLNCN trên địa bàn.

4. Phối hợp với doanh nghiệp thỏa thuận các quy ước về hiệu lệnh nổ mìn tại địa phương; có trách nhiệm thông báo rộng rãi cho nhân dân địa phương được biết.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN


Điều 27. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các Sở, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình tổ chức thực hiện Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, Sở Công thương có trách nhiệm tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, đề xuất các biện pháp xử lý trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình hoạt động VLNCN trên địa bàn Thành phố./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Hữu Tường